| TÒA ÁN ND QUẬN LIÊN CHIỂU<br>THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc** |
|---|---|

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2024
V/v: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Thanh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1977; địa chỉ: đường Đ, tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng(có mặt).

- Bị đơn: Bà **Phan Thị T1**, sinh năm 1981; địa chỉ: B N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng(có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**; trụ sở: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Phòng C, thành phố Đà Nẵng: C H, quận L, thành phố Đà Nẵng(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T2 bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T3 bà Phan Thị T4 dựng gia đình vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ nhân trên

cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ B, phường H, quận L, thành phố Đ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cũng từ đó, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, bà T1đã chuyển ra ngoài sinh sống. Nay tình cảm của vợ chồng không còn, kéo dài cũng không có hạnh phúc, hôn nhân không đạt được mục đích nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị T1

- Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T5 định vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Ánh T6– sinh ngày 30.5.2004, Nguyễn Ánh D– sinh ngày 17.01.2017 và Nguyễn Thanh T7– sinh ngày 08.02.2007. Ly hôn, ông T8 nhất giao 02 con Nguyễn Ánh Dvà Nguyễn Thanh T9 bà T1nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh T10 ý cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng). Đối với con Nguyễn Á T2đã trưởng thành nên ông không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh T5 định trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T3 bà T1không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T5 nhận có nợ Ngân hàng C– Phòng giao dịch quận L tiền 50.000.000 đồng. Ly hôn ông T11 cầu ông T3 bà T1có trách nhiệm trả số nợ trên cho ngân hàng.

Ông T12 rằng ông chỉ nợ khoản vay 50.000.000 đồng nên ông T13 có trách nhiệm cùng trả với bà T1số tiền 50.000.000 đồng, còn khoản vay 40.000.000 đồng do bà T1tự vay và tự trả ông T14 biết khoản vay này.

** Bị đơn bà Phan Thị T15 bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T1 thống nhất như lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T16 thời gian, điều kiện kết hôn. Hôn nhân giữa bà T1 và ông T17 hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ B, phường H, quận L, thành phố Đ trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về vấn đề tiền bạc, không có tiếng nói chung. Từ năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nhưng từ đầu năm 2023 thì bà đã chuyển ra ngoài sinh sống. Nay ông T18 ly hôn thì bà T1 đồng ý ly hôn với ông T19

- Về con chung: Bà Phan Thị T20 định vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Ánh T6– sinh ngày 30.5.2004, Nguyễn Ánh D– sinh ngày 17.01.2017 và Nguyễn Thanh T7– sinh ngày 08.02.2007. Hiện các con đang ở với bà T1nên ly hôn, bà T1có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con Nguyễn Ánh Dvà Nguyễn Thanh T21 Nguyễn Thanh T22 dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng). Đối với con Nguyễn Á T2đã trưởng thành nên bà không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà T1 và ông T23 tài sản chung gồm:

+ 01 Ngôi nhà toạ lạc trên 02 lô đất tại địa chỉ tổ B, phường H, quận L, thành phố Đ ngày 10/8/2022 bà đã tặng cho ½ giá trị nhà đất trên cho ông Nguyễn Thanh T

+ Ông T24 giữ của bà T1 số tiền mặt là 500.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T1 xác định vợ chồng có vay của Ngân hàng C quận C tiền là 90.000.000 đồng, gồm một khoản 40.000.000 đồng và một khoản 50.000.000 đồng. Nay bà T1 xác định đây là nợ chung của ông T3 bà T1nên cả hai cùng có trách nhiệm trả nợ cho Phòng Cquận L, thành phố Đà Nẵng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Chi nhánh Ngân hàng C thành phố CPhòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận C:*

Hộ gia đình ông Nguyễn Thanh T25 Phan Thị T1đại diện là bà Phan Thị T26 tên vay vốn tại Ngân hàng C quận Ccụ thể như sau:

Ngày 14/6/2020 tại khế ước số: 6600000718013418 vay số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Tổ chức sản xuất kinh doanh hộ gia đình, lãi trả hàng tháng, gốc trả theo phân kỳ 12 tháng/1 lần số tiền 10.000.000 đồng/kỳ, kỳ đầu tiên trả vào ngày 14/6/2021, hạn cuối cùng trả vào ngày 14/6/2025. Đến ngày 04/9/2024 dư nợ 44.500.000 đồng, hộ gia đình đã vi phạm chậm trả số tiền 34.500.000 đồng.

Ngày 14/12/2022 tại khế ước số: 6600000724551408 vay số tiền 40.000.000 đồng. Mục đích vay vốn cho sinh viên Nguyễn Á T2chi phí học tập tại Trường đại học D2 2022 – 2026. Lãi trả hàng tháng, gốc trả theo phân kỳ 6 tháng/1 lần số tiền 20.000.000 đồng/kỳ, kỳ đầu tiên trả vào ngày 20/4/2028, hạn cuối cùng trả vào ngày 14/12/2030. Đến ngày 04/9/2024 hộ gia đình không vi phạm chậm trả số tiền gốc và lãi khoản vay này.

Tính đến ngày 09/4/2024 số tiền nợ gốc là 84.500.000 đồng, lãi 0 đồng. Nay ông Nguyễn Thanh T25 Phan Thị T1ly hôn ngân hàng yêu cầu ông T25 T1có trách nhiệm trả dứt điểm số tiền gốc nêu trên và tiền lãi phát sinh.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh T cho ông Nguyễn Thanh T được ly hôn đối với bà Phan Thị T1.

Về con chung: Căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Nguyễn Ánh D– sinh ngày 17.01.2017 và Nguyễn Thanh T7– sinh ngày 08.02.2007 cho bà Phan Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Thanh T22 dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng). Đối với con Nguyễn Ánh T2– sinh ngày 30.5.2004 đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Buộc ông Nguyễn Thanh T3 bà Phan Thị T1 tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng C- Phòng giao dịch quận L tiền gốc 84.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T27 kiện bà Phan Thị T28 việc yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và nợ chung được quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phan Thị T29 nơi cư trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị T1 đăng ký kết hôn vào ngày 01.10.2003, vào sổ số 133 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đ nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa bà T1 và ông T17 hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử thấy: Theo nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T2 bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cũng từ đó, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, bà T1đã chuyển ra ngoài sinh sống. Nay tình cảm của vợ chồng không còn, kéo dài cũng không có hạnh phúc, hôn nhân không đạt được mục đích nên ông Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị T1. Về phía bị đơn bà Phan Thị T20 định vợ chồng có mâu thuẫn như lời trình

bày của ông T là đúng. Tuy nhiên lỗi dẫn đến việc ly hôn cũng có một phần của ông T30 vấn đề kinh tế, ông T31 lý hết tài sản trong gia đình dẫn đến bà T1và các con phải đi thuê nhà trọ ở. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà T1 cũng thống nhất thuận tình ly hôn với ông T19 Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T và bà T1 là có thật, mâu thuẫn đã trầm trọng, cả hai đều xác nhận vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau và không thể hàn gắn tình cảm được. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T, bà T1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1. Tại phiên tòa bà T1 và ông T thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị T1.

[2.3] Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T3 bà Phan Thị T1 thống nhất trình bày vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Ánh T6– sinh ngày 30.5.2004, Nguyễn Ánh D– sinh ngày 17.01.2017 và Nguyễn Thanh T7– sinh ngày 08.02.2007. Hiện các con đang ở với bà T1nên ly hôn, ông T và bà T1thống nhất giao 02 con Nguyễn Ánh D1 Nguyễn Thanh T3cho bà T1nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh T10 ý cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng). Đối với con Nguyễn Á T2đã trưởng thành nên không đề cập đến. Bên không nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ với con chung theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung ngang nhau, hiện tại hai cháu D1 T3đang sinh sống ổn định cùng với bà T1và các cháu cần sự chăm sóc của người mẹ, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu là muốn ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung Nguyễn Ánh D– sinh ngày 17.01.2017 và Nguyễn Thanh T7– sinh ngày 08.02.2007 cho bà Phan Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh T22 dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

[3] Về tài sản chung: Ông T12 rằng không có tài sản chung, còn bà T1cho rằng có tài sản chung như đã nêu trên nhưng bà T1không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Cthì thấy:

Tại khế ước nhận nợ số: 6600000718013418 ngày 14/6/2020 thì bà T1có vay số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Tổ chức sản xuất kinh doanh hộ gia đình, lãi trả hàng tháng, gốc trả theo phân kỳ 12 tháng/ 1 lần số tiền 10.000.000 đồng/kỳ, kỳ đầu tiên trả vào ngày 14/6/2021, hạn cuối cùng trả vào ngày 14/6/2025. Đến ngày 04/9/2024 dư nợ 44.500.000 đồng, hộ gia đình đã vi phạm chậm trả số tiền 34.500.000 đồng. Tại

khế ước số: 6600000724551408 ngày 14/12/2022 bà T1vay số tiền 40.000.000 đồng. Mục đích vay vốn cho sinh viên Nguyễn Á T2chi phí học tập tại Trường đại học D2 2022 – 2026. Lãi trả hàng tháng, gốc trả theo phân kỳ 6 tháng/ 1 lần số tiền 20.000.000 đồng/kỳ, kỳ đầu tiên trả vào ngày 20/4/2028, hạn cuối cùng trả vào ngày 14/12/2030. Đến ngày 04/9/2024 hộ gia đình không vi phạm chậm trả số tiền gốc và lãi khoản vay này. Vậy tính đến ngày 09/4/2024 số tiền nợ gốc là 84.500.000 đồng, lãi 0 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các khoản vay này, vay theo diện chính sách dù ông T14 phải là người đứng vay nhưng đối tượng vay là hộ gia đình, mục đích vay là để sản xuất kinh doanh và cho cháu Nguyễn Á T2học tập, ông Tkhông T32 không biết đối với khoản vay đối với số tiền 40.000.000 đồng. Vì vậy, ông T3 bà T1cùng có trách nhiệm trả đối với các khoản nợ này cho ngân hàng. Đến nay ông T25 T1đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc nên ngân hàng có yêu cầu độc lập buộc ông T25 T1phải trả nợ lãi và gốc là có căn cứ chấp nhận. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 288 Bộ luật dân sự. Buộc ông Nguyễn Thanh T3 bà Phan Thị T33 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Csố tiền 84.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh như đã cam kết tại khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong mọi khoản tiền.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Nguyễn Thanh T phải chịu. Án phí dân sự sơ thẩm 4.225.000 đồng ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị T33 chịu.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 37, Điều 51, 55, 80, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 288 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Phan Thị T1 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung"*.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh T3 bà Phan Thị T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 01/10/2003 của Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đ còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con Nguyễn Ánh D– sinh ngày 17.01.2017 và Nguyễn Thanh T7– sinh ngày 08.02.2007 cho bà Phan Thị T34 dưỡng

đến tuổi thành niên, đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh T22 dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng). Đối với con Nguyễn Ánh T2– sinh ngày 30.5.2004 đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Bên không nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung có quyền thay đổi người trực nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh T5 định không có tài sản chung, bà Phan Thị T20 định có tài sản chung nhưng không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C. Buộc ông Nguyễn Thanh T3 bà Phan Thị T33 có nghĩa vụ liên đới trả cho Phòng C, thành phố Đà Nẵng số tiền vay gốc là 84.500.000 đồng *(T4mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng)* và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Nguyễn Thanh T35 chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0000755 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm là 4.225.000 đồng *(Bốn triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Thanh T3 bà Phan Thị T33 chịu.

6. Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND. quận Liên Chiểu;*
- *UBND. phường Hòa Minh;*
- *Chi cục THADS quận Liên Chiểu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Hùng**